TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Toàn

2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: không tham gia

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986
Địa chỉ: số 47A KDC A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;
***- Bị đơn*:** Anh Trần Tấn L, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 47A KDC A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh L tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; anh L đi nhậu về hay sử dụng vũ lực đối với chị và dùng những lời lẽ xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự chị. Nay Chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị ly hôn với anh L

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thành Đ, sinh ngày 13/01/2007 đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn anh Trần Tấn L vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì mới .

- Bị đơn anh Trần Tấn L vắng mặt nhiều lần không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn anh Trần Tấn L vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với đương sự trên

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị T: Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc gia đình*" và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Chị T trình bày mỗi lúc đi nhậu về anh L hay có hành vi bạo lực gia đình và hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của chị. Phía anh L cố tình vắng mặt và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án chứng tỏ lời trình bày của Chị T là có thật. Đây là nguyên nhân làm cho tình trạng hôn nhân của chị và anh L đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay Chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của Chị T: cháu Trần Thành Đ đang sống cùng với Chị T, được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống cùng Chị T. Để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thành Đ cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai

không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Tấn L

2. Về con chung: giao cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 13/01/2007 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004326 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện